THỰC HIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 5 NĂM (NĂM 2011 - 2015)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2010	Thực hiện 5 năm 2011 - 2015					So sánh năm 2010	So sánh chỉ tiêu ĐH VII	Chỉ tiêu 2020
				Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Ước Thực hiện 2014	Ước thực hiện 2015			
1	Nhà trẻ	Hs	421	725	588	628	692	692			
	Tỷ lệ %		11,61%	12,25%	13,1%	17%	17,8%	18%			
2	Số HS Mẫu giáo	hs	4858	5,338	5,892	6,162	6,145	6,150			
	Tỷ lệ %	%	66,7%	77,1	79,18	79,18%	79,8	80		Đạt	
	Tỷ lệ MG 5 tuổi	%	100%	99,4%	100%	99,8%	99,8%	100%			
3	Số HS Tiểu học	hs	14337	13,408	13,390	13,305	13,416	13,592			
	Tỷ lệ %	%	99.20	99,2	99,6	99,7	99.70	99.80	0.5	Đạt	
4	Tỷ lệ thôn , buôn có điểm trường, lớp MG	%	90%	91%	92%	93%	94%	95%	1%	Đạt	
5	Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa	%	38	40,7	40,7	40,7	41	50	2.70	Đạt	
6	**Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia**	***Trường***	**28,9%**	**34,2%**	**33,3%**	**35,8%**	**37,0%**	**39,5%**		**Đạt**	
+	Mầm non	*Trường*									
+	Tiểu học Mức độ 1	*Trường*		1	1		1	1			
	Tiểu học Mức độ 2	*Trường*		2	2						
+	THCS	*Trường*		1		2		1			
+	THPT	*Trường*									